

Bản án số: 79/2023/DS-PT

Ngày 27/7/2023

V/v “Tranh chấp thừa kế, chia tài sản chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bé.
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Hữu Thị Hảo Hảo.
Ông Vũ Việt Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Tiến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Ông Ngô Văn Hùng- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 28/2023/TLPT-DS ngày 27 tháng 4 năm 2023 về “*Tranh chấp thừa kế và chia tài sản chung.*”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2023/DSST ngày 09 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 77/2023/QĐPT-DS ngày 12 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 138/2023/QĐPT-DS ngày 28/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Hùng D. Sinh năm 1960; Trú tại: Số 240/32 đường L, phường T, quận T, thành phố Đ. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lê Hùng T. Sinh năm 1973; Trú tại: K54/21 đường L, phường T, quận H, thành phố Đ. Có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Hùng T:* Ông Trần H – Luật sư công tác tại Văn phòng Luật sư Trần Hùng thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ; địa chỉ: 919 đường N, phường A, quận S, thành phố Đ. Có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Lê Thị C. Sinh năm 1963; Trú tại: K54/21 đường L, phường T, quận H, thành phố Đ. Có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lê Thị C:* Ông Trần Xuân V - Luật sư công tác tại Văn phòng Luật sư Hòa Phát thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ; địa chỉ: Số 31-33 đường L, phường H, quận C, thành phố Đ. Có mặt.

2/ Bà Lê Thị Thu V. Sinh năm 1965; Trú tại: Số 96 đường H, phường A, quận T, thành phố Đ. Có mặt.

3/ Bà Lê Thị Thanh T. Sinh năm 1969; Trú tại: K149/7 đường N, phường T, quận H, thành phố Đ. Có mặt.

4/ Bà Lê Thị Ngọc L. Sinh năm 1968; Trú tại: K37/02 đường L, phường T, quận H, thành phố Đ. Có mặt.

5/ Ông Lê Hùng K. Sinh năm 1974; Trú tại: Số 89 đường D, phường A, quận S, thành phố Đ. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Hùng K: Bà Lê Thị Mai H. Sinh năm 1977; Trú tại: Số 79B đường T, quận T, thành phố Đ. Vắng mặt.

6/ Ông Lưu Công B. Sinh năm 1964; Trú tại: K149/7 đường N, phường T, quận H, thành phố Đ. Vắng mặt.

7/ Bà Dương Thị M. Sinh năm 1933; Trú tại: Số 64 đường L, phường T, quận H, thành phố Đ. Vắng mặt.

8/ Ông Trần Thanh C. Sinh năm 1972, Trú tại: Số 64 đường L, phường T, quận H, thành phố Đ. Vắng mặt.

9/ Bà Trần Thị Thanh L. Sinh năm 1962; Trú tại: Tổ 07, thôn T 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Q. Vắng mặt.

10/ Bà Trần Thị Thanh X. Sinh năm 1977; Trú tại: Số 71 đường N, phường 19, quận B, thành phố H. Vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Lê Hùng D là nguyên đơn; bà Lê Thị C là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Nguyên đơn là ông Lê Hùng D trình bày:* Nguồn gốc nhà và đất tại K54/21 đường Lý Tự Trọng, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng là của cha ông là cụ Lê Hùng Cường (*sinh năm 1932, chết năm 2014*) và cụ Nguyễn Thị Vê (*sinh năm 1937, chết năm 2004*) nhưng chưa làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất. Cụ Cường, cụ Vê chết không để lại di chúc, cha mẹ hai cụ đều đã chết. Hiện nay ông Lê Hùng T và bà Lê Thị C là người đang quản lý, sử dụng ngôi nhà này. Trong đó, ông T quản lý, sử dụng gian nhà A có diện tích 82m² bà C quản lý sử dụng gian nhà B có diện tích 21,4m². Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Cường gồm có 07 người con ruột là Lê

Hùng D, Lê Hùng T, Lê Thị C, Lê Thị Thu V, Lê Thị Ngọc L, Lê Thị Thanh T và Lê Hùng K. Ngoài ra, cụ Cường, cụ Vê không có con nuôi. Vào năm 2010, do ngôi nhà xuống cấp, các anh chị em thống nhất cùng nhau đóng góp tiền của, công sức để xây mới lại ngôi nhà với tổng chi phí xây dựng hơn 1 tỷ đồng. Trong đó, phần ông Lê Hùng D đóng góp vào xây dựng các hạng mục đá ốp nằm và đứng bậc cấp cầu thang, đá chân tường, đá ốp trụ ngõ, đá ốp nằm các cửa. Tổng các khoản theo chứng thư thẩm định giá là 35.066.850 đồng; bà C là người lo chi phí cho thợ ăn uống và đóng góp gỗ để xây nhà, phần chi phí còn lại do ông Lê Hùng K bỏ ra. Hiện nay cha mẹ ông đã chết, ông T có nhiều việc làm không đúng đắn, không làm tròn bổn phận thờ cúng dẫn đến anh chị em bất đồng với nhau. Do đó, ông D khởi kiện đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế do cha mẹ để lại và chia tài sản chung là ngôi nhà do các anh chị em đóng góp xây dựng nói trên. Tại đơn khởi kiện ông đề nghị nhận hiện vật và thôi trả cho các đồng thừa kế, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông đề nghị Tòa án giải quyết giao cho bà C được quyền nhận hiện vật và thôi trả cho các đồng thừa kế, đồng sở hữu. Trong đó theo chứng thư thẩm định giá quyền sử dụng đất là 3.567.728.875 đồng nên ông đề nghị phân chia cho 7 đồng thừa kế tương ứng mỗi kỷ phần là 509.675.553 đồng/người. Về nhà ở, tài sản gắn liền với đất, tổng giá trị công trình xây dựng trên đất theo chứng thư thẩm định giá là 1.138.089.990 đồng. Trong đó, phần ông đóng góp vào xây dựng gồm: Các hạng mục đá ốp nằm và đứng bậc cấp cầu thang; Đá chân tường; Đá ốp trụ ngõ; Đá ốp nằm các cửa, tổng giá trị theo chứng thư thẩm định giá là 35.066.850 đồng. Phần bà C đóng góp tương ứng là 100.000.000 đồng, phần còn lại của ông K là 1.005.601.448 đồng.

- Bị đơn là ông Lê Hùng T trình bày: Cha mẹ ông là cụ Lê Hùng Cường, cụ Nguyễn Thị Vê là chủ sở hữu nhà và đất tại K54/21 đường Lý Tự Trọng, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Vào năm 2010, do ngôi nhà đã xuống cấp, thực hiện tâm nguyện của cha mẹ nên anh chị em quyết định cùng xây lại ngôi nhà để dùng vào mục đích thờ tự ông bà. Theo đó, em trai ông là Lê Hùng K đã bỏ ra số tiền hơn 1.300.000.000 đồng, bà C lo chi phí ăn uống cho thợ, ông D lo đá lót cầu thang còn ông lo quán xuyến việc xây dựng. Nay ông D khởi kiện yêu cầu chia thừa kế và phân chia phần giá trị đóng góp, ông thống nhất xác định hàng thừa kế của cụ Cường, cụ Vê gồm có 7 người như ông D trình bày. Đối với giá trị di sản là quyền sử dụng đất ông thống nhất với giá trị theo chứng thư thẩm định 3.567.728.875 đồng. Ông đề nghị được nhận di sản và có nghĩa vụ thôi trả cho các đồng thừa kế. Riêng đối với giá trị tài sản chung là ngôi nhà xây dựng trên đất theo chứng thư thẩm định là 1.138.089.990 đồng do đã khấu hao 30% ông không có ý kiến gì về cách tính của cơ quan Thẩm định giá nhưng ông cho rằng ông Lê Hùng K là người bỏ tiền ra xây nhà nhưng không ở nên ông tự nguyện trả lại cho ông K số tiền 1.300.000.000 đồng (*không áp dụng phương pháp khấu hao*). Đồng thời trả cho

bà C 100.000.000 đồng, trả cho ông D 35.066.850 đồng tiền đã đóng góp trong quá trình xây nhà như ông D đề cập.

- *Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ *Ông Lê Hùng K và đại diện theo ủy quyền của ông K trình bày:* Ông Lê Hùng K là một trong 07 người con của cụ Lê Hùng Cường và cụ Nguyễn Thị Vê. Sinh thời cha mẹ ông có 07 người con, điều kiện kinh tế khó khăn. Ước nguyện của cha mẹ ông là xây dựng một ngôi nhà kiên cố để tránh mưa, tránh bão nhưng chưa thực hiện được, năm 2004 thì mẹ ông mất. Muốn thực hiện ước nguyện của cha mẹ nên vào năm 2010, ông bàn bạc với anh chị em gia đình là xây dựng lại ngôi nhà mới trên phần đất của cha mẹ để cha ông là cụ Lê Hùng Cường, chị ông là bà Lê Thị C, anh ông là ông Lê Hùng T và con cái sinh sống, đồng thời làm nơi để thờ tự ông bà và được anh chị em gia đình đồng ý. Ông đã vay mượn, bỏ ra số tiền hơn 1.300.000.000 đồng, ông Lê Hùng D đóng góp vật liệu là đá lót cầu thang, bà Lê Thị C bỏ tiền lo ăn uống cho thợ nên ông đề nghị Tòa án phân chia theo quy định của pháp luật. Trong đó ông đề nghị được nhận một kỷ phần thừa kế tương ứng với giá trị 1/7 giá trị quyền sử dụng đất là 509.675.553 đồng và số tiền đã bỏ ra xây dựng nhà là 1.300.000.000 đồng. Ông thống nhất với ý kiến của ông Lê Hùng T, đề nghị Tòa án giao cho ông T là người được nhận di sản, nhận tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ thời trả cho các đồng thừa kế, đồng sở hữu còn lại.

+ *Bà Lê Thị C trình bày:* Bà là con của cụ Lê Hùng Cường và cụ Nguyễn Thị Vê. Đối với yêu cầu phân chia thừa kế, bà đề nghị được nhận một suất thừa kế tương ứng với số tiền 509.675.553 đồng và đề nghị được trích trả lại số tiền bà đã đầu tư vào xây dựng nhà tổng cộng là 163.200.000 đồng. Tại phiên tòa, bà đề nghị được nhận số tiền đóng góp xây dựng nhà là 100.000.000 đồng. Tổng số tiền phân chia thừa kế và chia tài sản chung bà đề nghị được nhận là 609.675.553 đồng. Về phương thức phân chia, bà đề nghị được nhận hiện vật và thời trả lại cho các đồng thừa kế, đồng sở hữu. Trong đó, đối với phần chi phí của ông Lê Hùng K đã bỏ ra xây dựng nhà, bà cũng tự nguyện đề nghị được thời trả cho ông K số tiền 1.300.000.000 đồng, thời trả cho ông Lê Hùng D là 35.066.850 đồng.

+ *Ông Lưu Công B có Đơn yêu cầu độc lập trình bày:* Ông là chồng của bà Lê Thị Thanh T là con rể của cụ Lê Hùng Cường và cụ Nguyễn Thị Vê. Quá trình xây dựng nhà cho cha mẹ vào năm 2010, ông cũng có công sức đóng góp trông coi, dọn vệ sinh hằng ngày, tổng thời gian là 10 tháng. Tương ứng số tiền công là 60.000.000 đồng. Do đó ông đề nghị được nhận lại số tiền này.

+ *Bà Lê Thị Thanh T, bà Lê Thị Thu Vân trình bày:* Cùng có nội dung trình bày thống nhất với ý kiến của ông Lê Hùng D và bà Lê Thị C như đề cập trên, tại phiên tòa, bà T, bà V đều có nguyện vọng mỗi người được nhận một kỷ phần thừa kế tương ứng số tiền 509.675.553 đồng. Bà V, bà T thống nhất với ý kiến của ông

Lê Hùng D và bà Lê Thị C, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà C được nhận hiện vật và có nghĩa vụ bồi trả cho các đồng thừa kế, đồng sở hữu.

+ Bà Dương Thị M, ông Trần Thanh C, bà Trần Thị Thanh L, bà Trần Thị Thanh X trình bày: Đề nghị cụ Lê Hùng Cường, cụ Nguyễn Thị Vê (hiện do ông Lê Hùng T quản lý, sử dụng ngôi nhà) bằng chi phí riêng của mình thuê đơn vị đo đạc thực hiện lại việc đo đạc phần diện tích của thửa đất số 91, tờ bản đồ số 9 để xác định lại diện tích đã chồng lấn và diện tích còn lại thực tế. Việc đo đạc có sự chứng kiến của các bên liên quan để các ông, bà có số liệu đồng nhất giữa diện tích thực tế và diện tích được cấp Giấy chứng nhận sở hữu. Kết quả này được dùng để Cơ quan nhà nước cấp lại các giấy tờ liên quan đến phần diện tích được xác nhận.

* Tại phiên hòa giải ngày 22/8/2022, ông Lê Hùng D, ông Lê Hùng T và đại diện theo ủy quyền của ông Lê Hùng T, bà Lê Thị C, bà Lê Thị Thanh T, bà Lê Thị Thu V, bà Lê Thị Ngọc L đều thống nhất với nhau được việc giải quyết vụ án liên quan đến nội dung chia thừa kế và chia tài sản chung, cụ thể: Các đồng thừa kế đồng ý giao cho ông Lê Hùng T là người được quản lý, sử dụng đối với nhà và đất K54/21 đường Lý Tự Trọng, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Ông T có nghĩa vụ bồi trả cho các đồng thừa kế mỗi người một kỷ phần tương ứng là 509.000.000 đồng. Ngoài ra đối với tài sản chung là tài sản trên đất, ông T có nghĩa vụ bồi trả cho bà C 100.000.000 đồng, bồi trả cho ông D là 32.488.542 đồng. Bồi trả cho ông T là 1.005.601.448 đồng. Ngày 25/8/2022, ông Lê Hùng D, bà Lê Thị C, bà Lê Thị Thanh T, bà Lê Thị Thu V cùng có đơn trình bày cho rằng trong thời gian ở, quản lý ngôi nhà ông Lê Hùng T đã tự ý tẩy xóa đồ thờ tự, tẩy xóa tên ông Lê Hùng D trên bia mộ của cha mẹ nên không xứng đáng quản lý di sản. Ông D, bà C, bà T, bà V thay đổi nội dung thỏa thuận đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết cho bà Lê Thị C là người được nhận nhà, đất và thực hiện nghĩa vụ bồi trả cho các đồng thừa kế, đồng sở hữu.

* Quá trình trưng cầu đo đạc sơ đồ vị trí thửa đất thể hiện, phần diện tích xây dựng nhà K54/21 Lý Tự Trọng, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng có phát sinh “phần diện tích đất chồng lấn thửa đất số 91, tờ bản đồ số 9 đã cấp giấy chứng nhận”, phần diện tích chồng lấn được xác định là 0,13m². Căn cứ kết quả thu thập chứng cứ thể hiện thửa đất số 91, tờ bản đồ số 9 đã cấp Giấy chứng nhận cho ông Trần Ngọc Lang và bà Dương Thị M. Hiện ông Lang đã chết, các con ông Lang, bà M gồm có ông Trần Thanh C, bà Trần Thị Thanh L và bà Trần Thị Thanh X nên Tòa án đã bổ sung ông C, bà X, bà L, bà M vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

* Tại biên bản hòa giải ngày 02/6/2010 của UBND phường Thạch Thang, quận Hải Châu sao lục gửi kèm theo văn bản số 883/UBND-TPHT ngày 17/11/2021 của UBND phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng thể hiện ý kiến của cán bộ địa chính và nội dung kết luận cuộc họp ghi nhận: Tại thời điểm ông

Lê Hùng Cường xây dựng nhà (2010) nhà bà Dương Thị M đã xây hết phần đất giáp với nhà ông Lê Hùng Cường. Qua kiểm tra sổ chứng nhận quyền sử dụng đất ở và nhà ở của ông Lê Hùng Cường và bà Dương Thị M, tường nhà bà M là ranh giới đất nhà bà M còn nhà ông Lê Hùng Cường xây dựng trên phần đất ở của mình, không lấn qua nhà bà M. Yêu cầu ông Lê Hùng Cường trong quá trình xây dựng nhà cần khắc phục mọi hậu quả hư hỏng cho nhà bà Dương Thị M, làm xối thoát nước để chống thấm giữa hai nhà.

Với nội dung nói trên, Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2023/DSST ngày 09 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã xử và quyết định: Căn cứ vào: khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 163, 164, 166; Điều 227; Điều 217; Điều 201; Điều 202; Điều 217; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 219; Điều 650; Điều 651; Điều 660 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1/ Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Lưu Công B về việc chia tài sản chung.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hùng D về việc Tranh chấp thừa kế và chia tài sản chung.

3/ Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Lê Hùng K về việc Tranh chấp thừa kế và chia tài sản chung.

4/ Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà Lê Thị C về việc Tranh chấp thừa kế và chia tài sản chung đối với yêu cầu được nhận di sản thừa kế và nhận tài sản đã đóng góp xây dựng tài sản chung. Không chấp nhận đối với yêu cầu được nhận hiện vật và thực hiện thời trả. Xử:

Giao cho ông Lê Hùng T được nhận sở hữu, sử dụng toàn bộ nhà và đất tại địa chỉ K54/21 đường Lý Tự Trọng, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng gồm 02 gian nhà 03 tầng được ký hiệu A (có diện tích 82m²) B (có diện tích 21,4m²). (Theo đánh số tại sơ đồ vị trí thửa đất 86, tờ bản đồ số 9 (15) kèm theo bản án).

Buộc ông Lê Hùng T phải có nghĩa vụ thời trả cho ông Lê Hùng D, ông Lê Hùng K, bà Lê Thị C, bà Lê Thị Thu V, bà Lê Thị Thanh T, bà Lê Thị Ngọc L số tiền cụ thể như sau:

Thời trả cho ông Lê Hùng D 544.742.403 đồng (Năm trăm bốn mươi bốn triệu bảy trăm bốn mươi hai ngàn bốn trăm lẻ ba đồng).

Thời trả cho bà Lê Thị C 609.675.553 đồng (Sáu trăm lẻ chín triệu sáu trăm bảy mươi lăm ngàn năm trăm năm mươi ba đồng).

Thời trả cho ông Lê Hùng K 1.809.675.553 đồng (Một tỷ tám trăm lẻ chín triệu sáu trăm bảy mươi lăm ngàn năm trăm năm mươi ba đồng).

Thời trả cho bà Lê Thị Ngọc L 509.675.553 đồng (Năm trăm lẻ chín triệu sáu trăm bảy mươi lăm ngàn năm trăm năm mươi ba đồng).

Thời trả cho bà Lê Thị Thu V 509.675.553 đồng (*Năm trăm lẻ chín triệu sáu trăm bảy mươi lăm ngàn năm trăm năm mươi ba đồng*).

Thời trả cho bà Lê Thị Thanh T 509.675.553 đồng (*Năm trăm lẻ chín triệu sáu trăm bảy mươi lăm ngàn năm trăm năm mươi ba đồng*).

Sau khi thực hiện xong nghĩa vụ thời trả, ông Lê Hùng T có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và hệ thống pháp luật có liên quan.

Trường hợp ông Lê Hùng T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thời trả thì một trong các đồng thừa kế có quyền làm đơn yêu cầu cơ quan Thi hành án tiến hành phát mãi nhà và đất để thực hiện việc phân chia. Việc phát mãi sẽ căn cứ vào giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu tài sản gắn liền trên đất thực tế tại thời điểm phát mãi để phân chia theo tỷ lệ phần trăm mà từng đương sự được hưởng. Cụ thể: Về đất, mỗi đồng thừa kế được nhận số tiền tương ứng 1/7 (*Một phần bảy*) giá trị tài sản phát mãi; Về công trình sử dụng, tài sản gắn liền với đất, ông Lê Hùng K được nhận 88.3%; Bà Lê Thị C được nhận 8,7%, ông Lê Hùng D được nhận 3,0%.

Về án phí: Ông Lê Hùng D thuộc trường hợp được miễn tạm ứng án phí, miễn án phí nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm;

Buộc ông Lê Hùng K phải chịu 66.290.266 đồng (*Sáu mươi sáu triệu hai trăm chín mươi ngàn hai trăm sáu mươi sáu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 25.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005591 ngày 12/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Còn lại buộc ông Lê Hùng K phải nộp thêm số tiền 40.790.266 đồng (*Bốn mươi triệu bảy trăm chín mươi ngàn hai trăm sáu mươi sáu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bà Lê Thị C phải chịu 28.387.022 đồng (*Hai mươi tám triệu ba trăm tám mươi bảy ngàn không trăm hai mươi hai đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 4.080.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000556 ngày 10/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Còn lại buộc bà Lê Thị C phải nộp thêm số tiền 24.307.022 đồng (*Hai mươi bốn triệu ba trăm lẻ bảy ngàn không trăm hai mươi hai đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc ông Lê Hùng T, bà Lê Thị Thu V, bà Lê Thị Thanh T, bà Lê Thị Ngọc L mỗi người phải chịu 24.387.022 đồng (*Hai mươi bốn triệu ba trăm tám mươi bảy ngàn không trăm hai mươi hai đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Số tiền tạm ứng án phí 1.500.000 đồng do ông Lưu Công B đã nộp theo biên lai thu số 0000568 ngày 16/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng được sung vào công quỹ Nhà nước.

Chi phí tố tụng khác: Chi phí thẩm định giá tài sản là 23.000.000 đồng; Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: 2.000.000 đồng; Chi phí đo đạc 5.642.000 đồng. Tổng cộng 30.642.000 đồng (*Ba mươi triệu sáu trăm bốn mươi hai ngàn đồng*) ông Lê Hùng D đã nộp và đã chi xong nên buộc các ông bà Lê Hùng T, Lê Hùng K, Lê Thị C, Lê Thị Thu V, Lê Thị Thanh T và Lê Thị Ngọc L phải trả lại cho ông Lê Hùng D tương ứng như sau:

Bà Lê Thị C trả lại cho ông Lê Hùng D 3.738.324 đồng (*Ba triệu bảy trăm ba mươi tám ngàn ba trăm hai mươi bốn đồng*).

Ông Lê Hùng K trả lại cho ông Lê Hùng D 11.092.404 đồng (*Mười một triệu không trăm chín mươi hai ngàn bốn trăm lẻ bốn đồng*).

Bà Lê Thị Thu V, bà Lê Thị Thanh T, bà Lê Thị Ngọc L, ông Lê Hùng T mỗi người trả lại cho ông Lê Hùng D là 3.125.848 đồng (*Ba triệu một trăm hai mươi lăm ngàn tám trăm bốn mươi tám đồng*).

Ngoài ra án sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự biết theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21/3/2023, ông Lê Hùng D có đơn kháng cáo một phần bản án là không đồng ý giao nhà cho ông Lê Hùng T, đề nghị cấp phúc thẩm giao nhà cho bà Lê Thị C, buộc bà C có nghĩa vụ thôi trả tiền chênh lệch chia tài sản cho các đồng thừa kế.

Ngày 21/3/2023, bà Lê Thị C có đơn kháng cáo một phần bản án không đồng ý giao nhà cho ông Lê Hùng T, đề nghị cấp phúc thẩm giao nhà cho bà và bà có nghĩa vụ thôi trả tiền chênh lệch chia tài sản cho các đồng thừa kế. Ngày 23/6/2023, bà C có đơn kháng cáo bổ sung yêu cầu thanh toán tiền bảo quản di sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lưu Công B, bà Dương Thị M, ông Trần Thanh C, bà Trần Thị Thanh L, bà Trần Thị Thanh X đã được triệu tập hợp lệ đến hai lần nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt theo quy định Điều 296 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Riêng đối với bà Lê Thị Mai H là người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Hùng K vắng mặt tại

phiên tòa. Tuy nhiên, ông K có mặt và trực tiếp tham gia phiên tòa, ông K đề nghị không cần sự có mặt của bà H, xét thấy là phù hợp nên chấp nhận.

[2] Xét về nội dung: Xét kháng cáo của ông Lê Hùng D và bà Lê Thị C thì thấy:

[3] Di sản thừa kế của cụ Lê Hùng Cường, cụ Nguyễn Thị Vê: Cụ Cường và cụ Vê có tạo lập được tài sản là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 86, tờ bản đồ số 9 (15) với tổng diện tích đất là $103,4m^2$ tọa lạc tại địa chỉ số K54/21 đường Lý Tự Trọng, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. (Chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Theo kết quả chứng thư thẩm định giá số: 5220176/CT – BTCVALUEĐN ngày 05/7/2022 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá và Dịch vụ Tài chính BTC Miền Trung thì tổng giá trị quyền sử dụng đất là 3.567.728.875 đồng, tương ứng mỗi kỳ phần thừa kế là 509.675.553đồng.

[3.1] Thời điểm mở thừa kế cụ Nguyễn Thị Vê (chết năm 2004), cụ Lê Hùng Cường (chết năm 2014). Các đồng thừa kế xác định 2 cụ không để lại nghĩa vụ gì. Bà C kháng cáo bổ sung cho rằng bà đã có công sức trong việc bảo quản di sản thừa kế của cha mẹ nên bà đề nghị được thanh toán tiền bảo quản di sản. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bà C rút yêu cầu này, xét thấy việc rút yêu cầu của bà Choàn toàn tự nguyện nên HĐXX đình chỉ yêu cầu này là hoàn toàn đúng luật.

[3.2] Về hàng thừa kế thứ nhất của Cụ Vê và cụ Cường: Do 02 cụ không có con ngoài giá thú hay con riêng, cha mẹ của 02 cụ cũng chết trước 02 cụ; 02 cụ không để lại di sản nên khối di sản trên được chia có 07 người con bao gồm Lê Hùng D, Lê Hùng T, Lê Thị C, Lê Thị Thu V, Lê Thị Ngọc L, Lê Thị Thanh T và Lê Hùng K. Mỗi người được hưởng: $3.567.728.875 \text{ đồng} : 7 = 509.675.553\text{đồng}$ /người.

[3.3] Về quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, các đương sự đều thừa nhận: Vào năm 2010, do ngôi nhà của ông Cường, bà Vê xuống cấp. Con cái trong gia đình đã bàn bạc và thống nhất cùng nhau đóng góp xây dựng lại ngôi nhà này để làm chỗ ở cho ông Cường, bà C và ông T đồng thời làm nơi thờ tự ông bà, trong đó các đồng thừa kế thống nhất công sức đóng góp của ông D là 35.066.850 đồng, bà C là 100.000.000 đồng, ông K là 1.300.000.000 đồng.

[3.4] Ông Diệu, bà C kháng cáo đề nghị xem xét giao nhà và đất cho bà C quản lý, sử dụng, bà C có nghĩa vụ bồi trả tiền chênh lệch tài sản cho các đồng thừa kế.

[3.5] HĐXX xét thấy: Hiện nay ông Lê Hùng T là người đang ở gian nhà chính diện tích $82m^2$, bà Lê Thị C là người đang ở gian nhà phụ diện tích $21,4m^2$. Ông D, bà C đều cho rằng ông T không xứng đáng để thờ phụng ông bà, tổ tiên. Tuy nhiên, theo ông T cung cấp chứng cứ tại giai đoạn phúc thẩm ông T đã lo sửa chữa mồ mã, đồng thời cũng đã xây dựng ngôi nhà có diện tích đảm bảo điều kiện tách thửa của UBND thành phố quy định, trong khi đó tại văn bản số: 657/CNHC ngày

24/11/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận Hải Châu cũng xác định với diện tích gian nhà 21,4m² là không đủ điều kiện để hình thành thửa đất riêng. Tại phiên tòa, ông K và 03 đồng thừa kế thống nhất đề nghị giao nhà đất cho ông T để ông T thời trả tiền chênh lệch tài sản cho các đồng thừa kế vì ông T là con trai. Do đó, cấp sơ thẩm giao nhà và đất cho ông T quản lý, sử dụng, buộc ông T phải có nghĩa vụ thời trả cho các đồng thừa kế còn lại là hoàn toàn phù hợp.

[4] Đối với vấn đề liên quan đến nhà ông Trần Ngọc Lang (đã chết) và bà Dương Thị M, kết quả đo đạc do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đà Nẵng thực hiện thể hiện phần nhà, đất đang tranh chấp trong vụ án có một phần diện tích chồng lấn thửa đất số 91, tờ bản đồ số 9 tại vị trí tiếp giáp có độ dài 2,17m, diện tích chồng lấn là 0,13m² của ông Trần Ngọc Lang và bà Dương Thị M. Tòa án đã bổ sung bà Dương Thị M và các con của ông Trần Ngọc Lang là bà Trần Thị Thanh X, bà Trần Thị Thanh L và ông Trần Thanh C vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đồng thời đã tổng đạt đầy đủ văn bản tố tụng. Trong đó tại Thông báo số: 70/2022/TB-TA ngày 21/10/2022 Tòa án đã hướng dẫn, đề nghị những người liên quan thực hiện quyền của mình theo Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vẫn không nhận được phản hồi từ bà Mãi, ông Cao, bà Xuân, bà Loan. Tại phiên tòa, những người này vắng mặt và không có ý kiến, yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét. Mặt khác, biên bản hòa giải ngày 02/6/2010 của UBND phường Thạch Thang sao lục gửi kèm theo văn bản số 883/UBND-TPHT ngày 17/11/2021 của UBND phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng thể hiện ý kiến của cán bộ địa chính và nội dung kết luận cuộc họp ghi nhận tại thời điểm ông Lê Hùng Cường xây dựng nhà (2010) nhà bà Dương Thị M đã xây hết phần đất giáp với nhà ông Lê Hùng Cường. Qua kiểm tra sổ chứng nhận quyền sử dụng đất ở và nhà ở của ông Lê Hùng Cường và bà Dương Thị M, tường nhà bà M là ranh giới đất nhà bà M còn nhà ông Lê Hùng Cường xây dựng trên phần đất ở của mình, không lấn qua nhà bà M. Yêu cầu ông Lê Hùng Cường trong quá trình xây dựng nhà cần khắc phục mọi hậu quả hư hỏng cho nhà bà Dương Thị M, làm xói thoát nước để chống thấm giữa hai nhà. Tại văn bản số: 657/CNHC ngày 24/11/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận Hải Châu cũng đã đề cập, giải thích thủ tục tách nhập thửa đất liền kề đối với phần đất chồng lấn trước khi thực hiện các thủ tục liên quan đến việc cấp Giấy chứng nhận nhà đất K54/21 Lý Tự Trọng, phường Thạch Thang, quận Hải Châu. Sau này nếu phát sinh tranh chấp về ranh giới, nhà đất thì các bên có quyền khởi kiện trong vụ án khác.

[5] Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị giao nhà đất cho ông T vì ông T là con trai, có điều kiện kinh tế thời trả cho các đồng thừa kế, phần diện tích ông T xây dựng đảm bảo diện tích tách thửa nên đề nghị xem xét giao nhà đất cho ông T sở hữu, sử dụng. Quan điểm này phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận. Tuy nhiên, Luật sư đề nghị xem xét thanh

toán tiền bảo quản di sản cho ông T vì ông T đã ở với cha mẹ từ nhỏ đến nay. HĐXX xét thấy tại phiên tòa, người kháng cáo là bà Lê Thị C rút yêu cầu này, bản thân ông Lê Hùng T không có kháng cáo nên HĐXX không có cơ sở xem xét.

[6] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lê Thị C đề nghị xem xét giao nhà và đất cho bà C. Quan điểm của Luật sư không phù hợp với nhận định của HĐXX nên không có cơ sở chấp nhận.

[7] Đối với ông Lưu Công B là người có yêu cầu độc lập, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do nên cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với yêu cầu độc lập của ông Bốn là đúng pháp luật.

[8] Từ những phân tích trên, HĐXX không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông Lê Hùng D và bà Lê Thị C.

[9] Ở đây các đương sự không có yêu cầu phát mãi tài sản nhưng cấp sơ thẩm nhận định và tuyên “Trường hợp ông Lê Hùng T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thối trả thì một trong các đồng thừa kế có quyền làm đơn yêu cầu cơ quan Thi hành án tiến hành phát mãi nhà và đất để thực hiện việc phân chia. Việc phát mãi sẽ căn cứ vào giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu tài sản gắn liền trên đất thực tế tại thời điểm phát mãi để phân chia theo tỷ lệ phần trăm mà từng đương sự được hưởng. Cụ thể: Về đất, mỗi đồng thừa kế được nhận số tiền tương ứng 1/7 (*Một phần bảy*) giá trị tài sản phát mãi; Về công trình sử dụng, tài sản gắn liền với đất, ông Lê Hùng K được nhận 88,3%; bà Lê Thị C được nhận 8,7%, ông Lê Hùng D được nhận 3,0%” là vượt quá phạm vi khởi kiện. Phần tuyên này được xử lý theo Luật Thi hành án. Do đó, cần rút kinh nghiệm về vấn đề này đối với cấp sơ thẩm.

[10] Về án phí DSST: Các đương sự khi được chia phải chịu án phí trên phần giá trị mình được hưởng. Riêng ông Lê Hùng D trên 60 tuổi, thuộc trường hợp người cao tuổi được miễn tạm ứng án phí, miễn án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Lưu Công B do vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên số tiền tạm ứng án phí đã nộp được sung vào công quỹ Nhà nước.

[11] Về chi phí tố tụng khác: Chi phí thẩm định giá tài sản là 23.000.000 đồng; Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng và chi phí trưng cầu đo đạc là 5.642.000 đồng. Tổng các khoản là 30.642.000 đồng các đương sự phải chịu tương ứng với tỷ lệ phần trăm tài sản mình được nhận. Cụ thể: Ông Lê Hùng K 36,2%; bà Lê Thị C 12,2%; ông Lê Hùng D 10,8%; ông Lê Hùng T, bà Lê Thị Ngọc L, bà Lê Thị Thu V, bà Lê Thị Thanh T cùng mức 10,2%. Số chi phí này ông Lê Hùng D đã nộp và đã chi xong nên các ông Lê Hùng K, bà Lê Thị C, ông Lê Hùng T, bà Lê Thị Thu V, bà Lê Thị Ngọc L, bà Lê Thị Thanh T phải có trách nhiệm trả

lại cho ông Lê Hùng D. Do các đương sự không kháng cáo về chi phí tố tụng nên HĐXX phúc thẩm giữ nguyên không xem xét.

[12] Do không chấp nhận kháng cáo nên ông Lê Hùng D, bà Lê Thị C phải chịu án phí DSPT. Tuy nhiên, ông D thuộc trường hợp người cao tuổi nên được xét miễn toàn bộ án phí. Bà C đến giai đoạn phúc thẩm trên 60 tuổi nên xét miễn toàn bộ án phí.

[13] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, giữ nguyên bản án sơ thẩm với nội dung không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Hùng D, bà Lê Thị C. Bà C đến giai đoạn phúc thẩm trên 60 tuổi nên đề nghị xét miễn toàn bộ án phí DSPT.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 289, 296, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 650, 651, 660 Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Hùng D và bà Lê Thị C.
2. Đình chỉ yêu cầu thanh toán tiền bảo quản di sản của bà Lê Thị C.
3. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2023/DSST ngày 09/3/2023 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

4. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hùng D đối với ông Lê Hùng T về việc *“Tranh chấp thừa kế và chia tài sản chung”*.

- 4.1. Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Lưu Công B về việc *“Chia tài sản chung”*.

- 4.2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Lê Hùng K về việc *“Chia tài sản chung”*.

- 4.3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Lê Thị C về việc *“Chia tài sản chung”*. Xử:

- 4.3.1. Giao cho ông Lê Hùng T được quyền sở hữu, sử dụng toàn bộ nhà và đất tại địa chỉ K54/21 đường Lý Tự Trọng, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng gồm 02 gian nhà 03 tầng được ký hiệu A (có diện tích 82m²), B

(có diện tích 21,4m²). (Theo đánh số tại sơ đồ vị trí thửa đất 86, tờ bản đồ số 9 (15) kèm theo bản án).

4.3.2. Buộc ông Lê Hùng T phải có nghĩa vụ bồi trả cho các ông, bà sau đây:

Thời trả cho ông Lê Hùng D: 544.742.403 đồng (Năm trăm bốn mươi bốn triệu bảy trăm bốn mươi hai ngàn bốn trăm lẻ ba đồng).

Thời trả cho bà Lê Thị C: 609.675.553 đồng (Sáu trăm lẻ chín triệu sáu trăm bảy mươi lăm ngàn năm trăm năm mươi ba đồng).

Thời trả cho ông Lê Hùng K: 1.809.675.553 đồng (Một tỷ tám trăm lẻ chín triệu sáu trăm bảy mươi lăm ngàn năm trăm năm mươi ba đồng).

Thời trả cho bà Lê Thị Ngọc L: 509.675.553 đồng (Năm trăm lẻ chín triệu sáu trăm bảy mươi lăm ngàn năm trăm năm mươi ba đồng).

Thời trả cho bà Lê Thị Thu V: 509.675.553 đồng (Năm trăm lẻ chín triệu sáu trăm bảy mươi lăm ngàn năm trăm năm mươi ba đồng).

Thời trả cho bà Lê Thị Thanh T: 509.675.553 đồng (Năm trăm lẻ chín triệu sáu trăm bảy mươi lăm ngàn năm trăm năm mươi ba đồng).

Ông Lê Hùng T được quyền liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp đổi, sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Án phí DSST: Ông Lê Hùng D được miễn toàn bộ án phí.

Ông Lê Hùng K phải chịu: 66.290.266 đồng (Sáu mươi sáu triệu hai trăm chín mươi ngàn hai trăm sáu mươi sáu đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 25.500.000 đồng theo biên lai thu số 0005591 ngày 12/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Ông Lê Hùng K còn phải nộp thêm số tiền 40.790.266 đồng (Bốn mươi triệu bảy trăm chín mươi ngàn hai trăm hai mươi sáu đồng).

Bà Lê Thị C phải chịu: 28.387.022 đồng (Hai mươi tám triệu ba trăm tám mươi bảy ngàn không trăm hai mươi hai đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.080.000 đồng theo biên lai thu số 0000556 ngày 10/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Bà Lê Thị C còn phải nộp thêm số tiền 24.307.022 đồng (Hai mươi bốn triệu ba trăm lẻ bảy ngàn không trăm hai mươi hai đồng).

Ông Lê Hùng T, bà Lê Thị Thu V, bà Lê Thị Thanh T, bà Lê Thị Ngọc L, mỗi người phải chịu 24.387.022 đồng (Hai mươi bốn triệu ba trăm tám mươi bảy ngàn không trăm hai mươi hai đồng).

Sung công quỹ Nhà nước số tiền tạm ứng án phí 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm ngàn đồng*) do ông Lưu Công B đã nộp theo biên lai thu số 0000568 ngày 16/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

6. Chi phí tố tụng: Tổng cộng 30.642.000 đồng (*Ba mươi triệu sáu trăm bốn mươi hai ngàn đồng*) ông Lê Hùng D đã nộp và đã chi xong nên buộc các đồng thừa kế phải có nghĩa vụ trả lại cho ông Lê Hùng D cụ thể sau: Bà Lê Thị C phải có nghĩa vụ trả 3.738.324 đồng; ông Lê Hùng K phải có nghĩa vụ trả 11.092.404 đồng. Bà Lê Thị Thu V, bà Lê Thị Thanh T, bà Lê Thị Ngọc L, ông Lê Hùng T, mỗi người phải có nghĩa vụ trả 3.125.848 đồng.

7. Án phí DSPT: Bà Lê Thị C được xét miễn toàn bộ án phí. Hoàn trả lại cho bà Csố tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007290 ngày 31/3/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Tòa án nhân dân quận Hải Châu;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng;
- Chi cục THA dân sự quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Bé